

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng huyện Đức Phổ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 572/TTr-PNV ngày 15/12/2015 và kết quả thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 38/BC-PTP ngày 28/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng huyện Đức Phổ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ts'*

Nơi nhận: *ty*

- Như Điều 3;
- Các Sở: Tư Pháp, Nội vụ;
- Ban ĐKTT tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban Mặt trận TQVN huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng huyện Đức Phổ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /2015/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định và trao tặng; quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Sáng kiến huyện; vi phạm và xử lý vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Đức Phổ.

Các nội dung về thi đua, khen thưởng khác có liên quan không được quy định trong quy chế này thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tập thể các cơ quan, đơn vị, địa phương, trường học, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện (sau đây gọi tắt các cơ quan, đơn vị, địa phương); nhân dân trong và ngoài huyện; người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và tổ chức nước ngoài đang công tác tại huyện Đức Phổ tham gia các phong trào thi đua của huyện, đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội huyện Đức Phổ.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

a) Thực hiện nguyên tắc tự nguyện, tự giác, dân chủ, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

c) Các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng.

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời và đúng luật; đảm bảo tác dụng động viên mọi người, mọi tổ chức, mọi thành phần kinh tế phát huy tinh thần yêu nước, hăng hái thi đua lao động sản xuất; có tác dụng nêu gương để các tập thể, cá nhân khác học tập.

b) Khen thưởng phải đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn, cũng không nhất thiết khen thưởng lần sau phải cao hơn lần trước; không khen trùng; chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp sản xuất, công tác, chiến đấu, công nhân, nông dân và cá nhân có nhiều sáng tạo trong sản xuất, công tác.

c) Cấp nào phát động thi đua thì cấp đó khen thưởng là chính; thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

d) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng.

e) Đối với khen thưởng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, khi có nhiều tập thể, cá nhân cùng đủ tiêu chuẩn thì ưu tiên lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

f) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức thì phải căn cứ vào thành tích tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

g) Những trường hợp đề nghị khen thưởng mà bị kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật hoặc có đơn thư tố cáo nhưng chưa được xác minh làm rõ thì chưa xét khen thưởng (*trừ đơn thư tố cáo mạo danh, nặc danh*).

h) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần khen thưởng tiếp theo được tính từ khi có Quyết định khen thưởng lần trước.

Chương II

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên: là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, địa phương.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị,

trường các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (ngành giáo dục và đào tạo tổng kết, bình xét vào cuối năm học).

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc thi đua theo đợt): là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo Điều 7, Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Nội dung tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo thu hút, tập hợp được đông đảo tập thể, cá nhân tham gia. Chú trọng kiểm tra, sơ kết, tổng kết, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua, tạo động lực thực hiện tốt nội dung đề ra.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND huyện tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong huyện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong huyện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với tổ chức đoàn thể cùng cấp chỉ đạo, tổ chức phát động và duy trì thường xuyên các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu, đề xuất phương pháp giúp thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng đúng thẩm quyền và mục đích trong phạm vi quản lý.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

4. Trưởng các khối, cụm thi đua có nhiệm vụ tổ chức ký kết giao ước thi đua hàng năm giữa các đơn vị trong khối, cụm; xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động trong khối, cụm; đẩy mạnh phong trào thi đua và xây dựng tiêu chí chấm điểm làm căn cứ bình xét đánh giá thi đua của các đơn vị trong khối, cụm; tổng hợp báo cáo kết quả thi đua của khối, cụm theo định kỳ 06 tháng, 01 năm về UBND huyện, Hội đồng thi đua – khen thưởng huyện.

5. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền của huyện có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến những kinh nghiệm và nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Phòng Nội vụ (*cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện*) căn cứ nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch công tác hàng năm và dài hạn về công tác thi đua, khen thưởng để tham mưu, đề xuất với UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; tổ chức và kiểm tra các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến, đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm: Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.

Đối tượng xét tặng danh hiệu thi đua gồm: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị, địa phương, bao gồm cả công an (*Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã không thuộc lực lượng Công an chính quy, Công an viên của xã hưởng lương, phụ cấp hàng tháng theo quy định tại Pháp lệnh Công an xã*), dân quân xã (*cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã*), bảo vệ dân phố (*Trưởng ban Bảo vệ dân phố, Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố, Tổ trưởng, Phó tổ trưởng, tổ viên Bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố*).

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm: Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của UBND tỉnh; Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng; Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến; thôn, tổ dân phố văn hóa.

Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Đối tượng xét, tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng, Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến gồm: các phòng, ban và đơn vị tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện; các trường học thuộc huyện; tập thể cán bộ công chức UBND xã, thị trấn; lực lượng Công an xã, thị trấn (*nơi không bố trí công an chính quy*), Ban Bảo vệ dân phố, Ban chỉ huy Quân sự cấp xã.

Điều 8. Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến

Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm (*đối với ngành giáo dục và đào tạo xét tặng vào dịp tổng kết năm học*) cho cá nhân tích cực tham gia phong trào thi đua và đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm (*đối với ngành giáo dục và đào tạo xét tặng vào dịp tổng kết năm học*) cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

2. Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở không quá 15% số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến trong cơ quan, đơn vị. Nếu 15% không đủ 01 cá nhân thì đề nghị tối đa 01 cá nhân, trường hợp có số dư 0,5 cá nhân trở lên thì đề nghị thêm 01 cá nhân.

Điều 10. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 16, 17 Quy chế Thi đua, Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND tỉnh (*sau đây gọi tắt là Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tỉnh*).

Điều 11. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến

Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm (*đối với ngành giáo dục và đào tạo xét tặng vào dịp tổng kết năm học*) cho các tập thể tiêu biểu, lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Điều 13 Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tỉnh.

Điều 12. Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng

1. Tiêu chuẩn, tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Điều 14 Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tỉnh.

Điều 13. Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19 Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tỉnh.

Điều 14. Danh hiệu Gia đình văn hóa, Thôn văn hóa, Tổ dân phố văn hóa

Được xét công nhận hàng năm, thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Chương III

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 15. Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ*); Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Tiêu chuẩn đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tỉnh.

Điều 17. Giấy khen

1. Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện

a) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua (*theo chuyên đề, theo đợt thi đua*) thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, chương trình mục tiêu, chỉ thị, nghị quyết, một lĩnh vực công tác hoặc tổng kết chuyên đề hàng năm; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số cá nhân thật sự tiêu biểu, xuất sắc.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ (*căn cứ theo đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm*), được bình xét trong phong trào thi đua hàng năm.

- Cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp tích cực tham gia và có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua do huyện phát động.

b) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất kinh doanh, công tác, học tập có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã; nếu là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nếu tập thể đó có tổ chức Đảng thì phải đạt "Hoàn thành tốt nhiệm vụ"; đồng thời, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua (*theo chuyên đề, theo đợt thi đua*) thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, chương trình mục tiêu, chỉ thị, nghị quyết, một lĩnh vực công tác hoặc tổng kết chuyên đề hàng năm; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số tập thể thật sự tiêu biểu, xuất sắc.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến.

- Có thành tích xuất sắc được khối, cụm thi đua bình xét trong phong trào thi đua hàng năm.

- Tập thể tiêu biểu trong số những tập thể 5 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ và trong thời gian đó có 03 lần được UBND huyện, sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tặng Giấy khen (*trong phong trào thi đua hàng năm*) hoặc 5 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ và trong thời gian đó có 04 lần được UBND xã, thị trấn, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện tặng Giấy khen (*trong phong trào thi đua hàng năm*).

- Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cấp huyện, cấp xã tích cực tham gia phong trào thi đua do huyện phát động, có thành tích xuất sắc.

d) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất xuất sắc trong các lĩnh vực: An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn; trong một số lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn huyện.

e) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho tập thể, cá nhân là những người đang sinh sống, học tập, làm việc trên địa bàn huyện, là thành viên chính thức tham gia trong các đội tuyển (đoàn) của huyện đạt thành tích cao tại các hội thi, hội thao, hội diễn. Trường hợp tập thể, cá nhân đã được tỉnh, sở, ban, ngành tặng Bằng khen, Giấy khen thì Chủ tịch UBND huyện không tặng Giấy khen.

f) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, thị trấn và thôn, tổ dân phố có thành tích xuất sắc tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp xã.

g) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho Thôn văn hóa, Tổ dân phố văn hóa; cơ quan, đơn vị văn hóa; gia đình văn hóa xuất sắc tiêu biểu được thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

h) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho tập thể, cá nhân ở ngoài huyện có công đóng góp cho sự phát triển của huyện trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội hoặc lĩnh vực khác. Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo, từ thiện.

k) Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; tùy theo mức độ, tính chất Chủ tịch UBND huyện quyết định.

l) Số lượng khen thưởng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện cho tập thể, cá nhân được xét vào dịp tổng kết năm tối đa không quá 40% đối với tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định và không quá 30% đối với cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Nếu tính 30% không đủ 01 cá nhân thì được trình tối đa là 01 cá nhân, nếu có số dư từ 0,5 cá nhân trở lên thì được trình thêm 01 cá nhân.

2. Giấy khen của Chủ tịch UBND xã, thị trấn

Giấy khen của Chủ tịch UBND xã, thị trấn xét, tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, lập nhiều thành tích trong phong trào thi đua thường xuyên, theo chuyên đề, theo đợt và hộ gia đình có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND xã, thị trấn quy định cụ thể tiêu chuẩn, tỷ lệ tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân và hộ gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

Chương IV

THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT, QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Ban Thường vụ Huyện ủy: Xem xét, cho ý kiến trước khi đề nghị UBND tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng; tặng thưởng các loại Huân chương, Huy chương; các danh hiệu vinh dự Nhà nước; danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Thường trực Huyện ủy: Xem xét, cho ý kiến trước khi đề nghị UBND tỉnh xét tặng thưởng Cờ thi đua và đề nghị UBND tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

3. Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận giải pháp công tác, sáng kiến kinh nghiệm...; tặng Giấy khen; công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, thôn, tổ dân phố văn hóa và đề nghị cấp trên tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh trở lên.

4. Chủ tịch UBND xã, thị trấn quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Gia đình văn hóa; đề nghị Chủ tịch UBND huyện xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, công nhận Tập thể Lao động tiên tiến cho tập thể cán bộ công chức UBND xã, thị trấn, Ban chỉ huy Quân sự xã, thị trấn, Công an xã (nơi không bố trí công an chính quy), Ban bảo vệ dân phố và khen thưởng theo quy định.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền trước khi Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

6. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 19. Quy định về tuyển trình

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và Điều 25 Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tỉnh.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tổng hợp, trình UBND huyện (qua cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng huyện) xét khen thưởng và đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Mầm non trong huyện.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương nào được UBND huyện giao chủ trì phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó chủ trì phối hợp với Phòng Nội vụ để hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, tiêu chuẩn cho đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được tập thể Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp có thành tích xuất sắc, tiêu biểu.

4. Trường hợp khen thưởng đột xuất nêu gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương).

5. Việc lấy ý kiến hiệp y đề nghị khen thưởng do Phòng Nội vụ thực hiện. Khi có văn bản gửi đến để lấy ý kiến hiệp y, sau 05 ngày làm việc (*tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận công văn*) các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm trả lời, trường hợp không có ý kiến trả lời thì coi như thống nhất và Phòng Nội vụ huyện xử lý trình cấp thẩm quyền, đồng thời có trách nhiệm trả lời cho đơn vị đề nghị khen thưởng.

Điều 20. Hồ sơ thủ tục đề nghị khen thưởng

Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ, gồm có:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc của khối, cụm thi đua.
2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc biên bản họp xét của khối, cụm thi đua.

Nội dung biên bản phải thể hiện rõ kết quả bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên Hội đồng hoặc thành viên khối, cụm thi đua; nếu thành viên Hội đồng hoặc thành viên khối, cụm thi đua vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp; tỷ lệ phiếu bầu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ. Ngoài ra, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (*thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ*), số lượng cụ thể như sau:

a) Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động: Báo cáo thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình.

b) Danh hiệu “Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân nhân dân, ưu tú”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”: Bản khai thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình (*bản khai thành tích thực hiện theo quy định của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương*).

c) Huân chương các loại, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: Báo cáo thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình.

d) Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua Chính phủ: Báo cáo thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình.

đ) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: Báo cáo thành tích, giải pháp công tác, sáng kiến kinh nghiệm... gồm 01 bản chính, có xác nhận của cấp trình.

e) Cờ thi đua của UBND tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: Báo cáo thành tích gồm 01 bản chính, có xác nhận của cấp trình.

f) Chiến sĩ thi đua cơ sở: Báo cáo thành tích, giải pháp công tác, sáng kiến kinh nghiệm... gồm 01 bản chính, có xác nhận của cấp trình.

g) Tập thể Lao động tiên tiến, Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện: Báo cáo thành tích gồm 01 bản chính, có xác nhận của cấp trình.

Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e và f khoản này, đồng thời với việc gửi báo cáo thành tích bằng văn bản phải gửi email về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện (*Phòng Nội vụ*) theo địa chỉ nv-ducpho@quangngai.gov.vn để tổng hợp.

4. Hồ sơ, thủ tục đơn giản:

a) Các trường hợp xét khen thưởng thủ tục đơn giản áp dụng trong các trường hợp khen thưởng đối ngoại, đột xuất, khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị (*theo chỉ đạo của lãnh đạo huyện*); khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, học tập, công tác.

b) Hồ sơ thủ tục gồm: Tờ trình, báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm về nội dung, thành tích trước Chủ tịch UBND huyện. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của mỗi hình thức khen thưởng đảm bảo nội dung theo tiêu chuẩn, số lượng và thể thức văn bản quy định.

Điều 21. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng

Hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng năm gửi UBND huyện (*qua Phòng Nội vụ*) trước 31 tháng 12 hàng năm, hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp gửi trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo thời gian gửi hồ sơ trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (*khen thưởng chuyên đề*) gửi hồ sơ trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 04 ngày làm việc (*trừ trường hợp đặc biệt theo ý kiến của Chủ tịch UBND huyện*).

Điều 22. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Công tác lưu trữ hồ sơ khen thưởng, chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện do Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập; là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Huyện ủy, UBND huyện về công tác thi đua, khen thưởng của huyện; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

a) Cơ cấu, thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND huyện.

- Hội đồng có từ 13 – 15 thành viên, có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch, trong đó Trưởng phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng; các Phó Chủ tịch còn lại và thành viên do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện hoạt động theo Quy chế và theo quy định của pháp luật, có nhiệm vụ:

- Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn quyết định thành lập; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện.

a) Cơ cấu thành phần gồm thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn làm Chủ tịch Hội đồng; cơ cấu thành viên còn lại do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Chức năng nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện tương tự như Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Điều 24. Hội đồng Sáng kiến huyện, Hội đồng Sáng kiến ngành giáo dục và đào tạo huyện

1. Hội đồng Sáng kiến huyện

a) Hội đồng Sáng kiến huyện do Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập bao gồm: Chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng; số lượng thành viên Hội đồng từ 5 đến 7 người; thành phần cơ cấu những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, trường hợp cần thiết, mời người có chuyên môn cao có liên quan đến nội dung sáng kiến để tư vấn cho Hội đồng xét sáng kiến; cơ quan Thường trực giúp việc cho Hội đồng là Phòng Nội vụ.

b) Hội đồng Sáng kiến huyện có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn Chủ tịch UBND huyện về các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với việc nâng cao hiệu quả công tác, năng suất lao động, nhiệm vụ công tác, thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương; Hội đồng Sáng kiến huyện thực hiện việc xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khi xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và đề nghị cấp thẩm quyền xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Hội đồng Sáng kiến ngành giáo dục và đào tạo huyện

a) Hội đồng Sáng kiến ngành giáo dục và đào tạo huyện do Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập bao gồm: Chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng; số lượng thành viên Hội đồng từ 5 đến 7 người; thành phần cơ cấu những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, trường hợp cần thiết, mời người có chuyên môn cao có liên quan đến nội dung sáng kiến để tư vấn cho Hội đồng xét sáng kiến; cơ quan Thường trực giúp việc cho Hội đồng là Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Hội đồng Sáng kiến ngành giáo dục và đào tạo huyện có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn Chủ tịch UBND huyện về các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến thuộc ngành quản lý và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với việc nâng cao hiệu quả công tác, năng suất lao động, nhiệm vụ công tác, thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch của ngành; Hội đồng Sáng kiến ngành giáo dục và đào tạo huyện thực hiện việc xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khi xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và đề nghị cấp thẩm quyền xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

3. Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là sáng kiến*) của tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong huyện là kết quả lao động sáng tạo, trí tuệ, đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật, cải cách quản lý, tổ chức sản xuất, lao động mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

4. Nội dung các sáng kiến đề nghị công nhận hàng năm phải được đăng tải trên Trang thông tin điện tử huyện, sáng kiến đề nghị công nhận cấp tỉnh còn phải được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh hoặc các hình thức khác như: báo, đài ... để phổ biến rộng rãi đến tập thể, cá nhân nghiên cứu học tập, áp dụng trước và sau khi trình cấp thẩm quyền xét công nhận theo quy định.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện đối với nội dung, chất lượng, kết quả xét duyệt sáng kiến của các cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng huyện, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị thực hiện theo Chương V Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2011 của Chính phủ; Điều 24 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 26. Sử dụng và quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

1. Nội dung chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

a) Chi tiền thưởng hoặc các tặng phẩm lưu niệm theo các quyết định khen thưởng.

b) Chi nghiệp vụ gồm: In ấn Giấy chứng nhận, Công nhận, Giấy khen, làm hồ sơ khen thưởng; khung Giấy khen, giấy ép plastic, máy ép plastic, mực in chuyên dụng; làm hiện vật khen thưởng...

c) Chi công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo không quá 20% trong tổng Quỹ Thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - khen thưởng.

- Chi tổ chức phát động phong trào thi đua, hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho cán bộ đi kiểm tra công tác để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

3. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

a) Quỹ Thi đua, khen thưởng của huyện, UBND huyện ủy quyền và giao cho Phòng Nội vụ huyện quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của xã, thị trấn do Chủ tịch UBND xã, thị trấn quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Quỹ Thi đua, khen thưởng cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền quyết định khen thưởng thì tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương cấp mình quản lý.

c) Tiền thưởng kèm theo các Quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND huyện: danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Giấy khen (*hàng năm, chuyên đề và đột xuất*), tiền thưởng được chi từ Quỹ Thi đua, khen thưởng của huyện; đối với ngành giáo dục và đào tạo tiền thưởng được chi từ nguồn ngân sách dự toán cho đơn vị hàng năm. Tiền thưởng kèm theo Quyết định của Chủ tịch UBND huyện về tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến được trích từ Quỹ khen thưởng của cơ quan, đơn vị hưởng lương.

d) Khen thưởng các chương trình mục tiêu, tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 27. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Tùy một số trường hợp cụ thể, Chủ tịch UBND huyện xem xét không trao tiền khen thưởng kèm theo Giấy khen.

2. Tiền thưởng kèm theo Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện cho đơn vị đạt thành tích trong hoạt động khối, cụm thi đua của huyện hàng năm được thưởng 02 lần mức lương cơ sở (*hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương*); Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng thưởng đột xuất trong lao động sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, gương người tốt, việc tốt,... cho các tập thể, cá nhân tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng nêu gương, học tập quy định mức thưởng đối với cá nhân không quá 02 (*hai*) lần mức lương cơ sở, tập thể không quá 04 (*bốn*) lần mức lương cơ sở. Trường hợp đặc biệt không quá 10 triệu đồng và do Chủ tịch UBND huyện quyết định

Chương VII
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ;
HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM;
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI,
TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG;
TƯỚCC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 28. Quyền của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng; nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng; hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng và các cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng; khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thủ tục hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế. Phòng Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện.

Căn cứ Quy chế này, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, phổ biến, tổ chức thực hiện trong cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý và các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *Trần*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Em